TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 812/2019/HS-PT
Ngày: 05 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng.

Bà Phạm Thị Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 524/2019/TLPT- HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Hồ Thị Th, Trần Đình Ch do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1/ **Hồ Thị Th** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1967 tại Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đại C (Đã chết) và bà Đậu Thị Ngh (Đã chết), bị cáo có chồng Cù Ngọc Th (Đã ly hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại (có mặt)

2/ **Trần Đình Ch** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1960 tại Nam Định; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: nghỉ hưu; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huy L và bà Trần Thị T, bị cáo có vợ Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Ngày 22/02/2013 bị Tòa án nhân dân huyện B

xử phạt 35.000.000đ về tội "Đánh bạc" đến nay chưa thi hành Bản án; tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Th:* Luật sư Hồ Phương B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Ngoài ra, vụ án còn có 01 bị cáo khác, 19 bị hại không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế A thành lập công ty cổ phần thương mại P 868 (Công ty 868), với tư cách là Tổng giám đốc. Mục đích thành lập công ty để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc tổ chức tuyên truyền sai sự thật như: Công ty 868 kinh doanh có lãi trên các lĩnh vực xây dựng, nhà hàng, siêu thị, khách sạn, khai thác mỏ... và kêu gọi người dân ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các gói đầu tư từ 12.600.000 đồng đến 84.6000.000 đồng để hưởng lợi nhuận cao (từ 37% đến 200%/tháng), trả lãi định kì vào ngày 10 hàng tháng. Tuy nhiên, trên thực tế công ty không hoạt động kinh doanh mà sử dụng chính tiền góp vốn của người dân để chi trả tiền lời cho họ hoặc dùng tiền của người góp vốn sau chi trả cho người góp vốn trước, số tiền còn lại Nguyễn Thế A và đồng bọn chiếm đoạt. Từ tháng 10/2015 đến tháng 02/2016 Vũ Đình V tham gia đường dây lừa đảo chiếm đoạt tài sản này với tư cách là Giám đốc Chi nhánh Công ty 868 tại Bình Phước, địa chỉ: số 815, KP. Th, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, không có đăng ký kinh doanh. Mặc dù biết Công ty 868 không hoạt động sản xuất, kinh doanh mà chỉ thu tiền người sau trả cho người trước, nhưng V vẫn thực hiện theo chỉ đạo của Thế A điều hành Chi nhánh kêu gọi, ký kết được 116 hợp đồng, thu 3.805.600.000 đồng của người đầu tư. Công ty 868 không chuyển tiền về Chi nhánh để chi trả lợi nhuận cho người đầu tư và các chi phí hoạt động mà V sử dụng chính số tiền Chi nhánh thu được chi trả lợi nhuận cho người đầu tư 2.922.100.000 đồng, chuyển 356.000.000 đồng về Công ty 868, còn lại 527.500.000 đồng sử dụng cho các chi phí hoạt động của Chi nhánh, trả lương cho V và các nhân viên. Đồng thời V cũng đầu tư, hưởng lợi 283.800.000 đồng. Khi thực hiện hành vi trên, V có ý thức bỏ mặc hậu quả xảy ra, giúp sức cho Nguyễn Thế A thu của các người đầu tư 3.805.600.000 đồng, đã có 30 người đầu tư tố cáo bị lừa đảo chiếm đoạt 1.943.540.000 đồng. Với vai trò, hành vi như trên, ngày 22/7/2017 Vũ Đình V đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an khởi tố bị can, ngày 21/5/2018 bị Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 139 BLHS năm 1999. Đến ngày 28/11/2018 Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử tuyên phạt V 24 tháng tù.

Trong thời gian tham gia giúp sức cho Nguyễn Thế A phạm tội, Vũ Đình V đã bàn bạc với đồng phạm thành lập Công ty TNHH MTV ĐT TM DV O.G T (Công ty O.G T) để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Công ty 868 không chuyển tiền để chi trả lợi nhuận cho người đầu tư và các chi phí hoạt động của Chi nhánh tại Bình Phước. V sử dụng chính nguồn tiền của người đầu tư nộp vào Chi nhánh để chi trả. Đồng thời, V nhiều lần liên hệ đề nghị chuyển tiền về Chi nhánh nhưng Thế A không thực hiện nên V yêu cầu Hồ Thị Th là người Phụ trách kế toán, thủ quỹ của Chi nhánh không chuyển tiền thu được của người đầu tư về Công ty 868 nữa mà giữ lại để tự hoạt động. Nhận thấy hình thức hoạt động của Công ty 868 trước sau gì cũng sẽ bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý nên V nảy sinh ý định thành lập Công ty riêng và đưa người khác lên làm Giám đốc, còn V sẽ tham gia một thời gian rồi rút lui để tránh bị xử lý. Đến tháng 01/2016 Chi nhánh bị mất cân đối thu, chi, V mượn Th 400.000.000 đồng để thanh toán tiền lời đến hạn vào ngày 10/01/2016 cho khách hàng. Sau đó, khi có người tiếp tục đầu tư thì V đã lấy tiền của người đầu tư trả cho Th. Cùng thời gian này V bàn bạc với Th về việc thành lập công ty riêng để tự hoạt động theo mô hình của Công ty 868, đồng thời thống nhất lựa chọn Trần Đình Ch là người đang đầu tư vào Chi nhánh Công ty 868 làm Giám đốc Công ty mới. Để Ch tin tưởng đồng ý tham gia, V và Th nói dối với Ch là "*V sẽ rút về Công ty P 868 nhưng vẫn ở lại phụ trách Chi nhánh, nhưng do Chi nhánh chưa đăng ký kinh doanh nên cần phải thành lập công ty để đăng ký kinh doanh, ký hợp đồng với người đầu tư và Công ty mới vẫn hoạt động theo mô hình của Công ty P 868, tiền thu được đều chuyển về Công ty P 868. Đồng thời V lựa chọn Ch làm Giám đốc Công ty để thay thế vị trí của V, Công ty trả lương 10.000.000 đ/tháng, bao toàn bộ chi phí ăn, ở*". Ch tin tưởng vào lời nói dối của V và Th mà không biết mục đích thành lập Công ty là để huy động vốn và chiếm đoạt của người đầu tư nên đồng ý làm Giám đốc Công ty.

Sau khi bàn bạc, do có quen biết nên V nhờ ông Bùi Quốc V1, SN 1984, là Cán bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước giúp làm toàn bộ thủ tục thành lập doanh nghiệp nhưng V không nói cho V1 biết về mục đích thành lập Công ty là để huy động vốn và chiếm đoạt của người đầu tư. V cho số điện thoại của V1 để Ch liên lạc, cung cấp giấy CMND, sổ hộ khẩu và những thông tin cần thiết để V1 làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty O.G T. Ngày 02/02/2016, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 3801119041 cho Công ty O.G T, địa chỉ: số 815, KP. Th, P. T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước, do Trần Đình Ch làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật; ngành nghề kinh doanh: "xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, biệt thự hoặc căn hộ; kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn, đại lý du lịch, điều hành tour du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch, nhà hàng, quán ăn...".

Việc thành lập Công ty riêng để hoạt động thì Nguyễn Thế A là Tổng Giám đốc Công ty 868 không biết.

Mặc dù Ch đứng tên làm Giám đốc nhưng V là người quản lý điều hành hoạt động của Công ty O.G T, trực tiếp chỉ đạo, điều hành và quản lý thu chi, ký duyệt các khoản chi, trực tiếp tư vấn, kêu gọi người đầu tư ký kết hợp đồng góp vốn vào Công ty và tự quyết định chi tiền lương cho bản thân 10.000.000đ/tháng như khi làm cho công ty 868, được lấy từ tiền chiếm đoạt của người dân. V giao cho Th làm thủ quỹ có nhiệm vụ ghi chép sổ thu chi, trực tiếp thu tiền của người đầu tư, tổng hợp số tiền thu được trong ngày giao lại cho V quản lý; tổng hợp danh sách chi trả lợi nhuận của người đầu tư cho V ký duyệt chi và tham gia tư vấn kêu gọi khách hàng góp vốn, hưởng lương 6.000.000đ/tháng như khi làm cho công ty 868, được lấy từ tiền chiếm đoạt của người dân. Ch với danh nghĩa là Giám đốc, được V giao làm đại diện Công ty ký kết hợp đồng với người đầu tư; tư vấn cho khách hàng và điều hành hoạt động, quản lý thu chi khi V không có ở công ty, hưởng lương 10.000.000đ/tháng được lấy từ tiền chiếm đoạt của người dân. Ngoài ra, V còn thuê Vũ Ngọc Tr, SN 1975, ngụ tại: ấp 2, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước làm nhân viên tư vấn khách hàng với mức lương 6.000.000đ/tháng; thuê Đoàn Thị Hồng Nh, SN 1990, ngụ tại: khu phố 3, phường T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước làm kế toán với mức lương 4.000.000đ/tháng nhưng V không nói cho Tr và Nh biết hình thức hoạt động của Công ty O.G T là để chiếm đoạt tiền vốn góp của người đầu tư.

Công ty O.G T không tiến hành bất kì hoạt động sản xuất kinh doanh gì nhưng V chỉ đạo Th, Ch và Tr tiến hành tuyên truyền gian dối là Công ty O.G T đang kinh doanh nhà hàng, siêu thị, cà phê, nấm linh chi đỏ… với lợi nhuận cao và kêu gọi người dân góp vốn, ký kết hợp đồng hợp tác. Đồng thời, V chỉ đạo sử dụng Hợp đồng của Công ty 868 sửa lại thành Hợp đồng của Công ty O.G T do Ch đại diện, với các nội dung như: *Hợp tác kinh doanh, phân chia lợi nhuận trên các lĩnh vực kinh doanh xây dựng chuỗi quán cà phê, chuỗi siêu thị mini tự chọn và online, nhà hàng, cửa hàng vật tư nông nghiệp, xây dựng tour du lịch... Người đầu tư có thể lựa chọn tham gia gói 12.600.000 đồng, 24.600.000 đồng, 36.600.000 đồng. Công ty cam kết lợi nhuận (trước thuế) sau 06 tháng sẽ nhận được 99.000.000 đồng (tháng thứ nhất 5.000.000 đồng, tháng thứ hai 7.000.000 đồng, tháng thứ ba 9.000.000 đồng, tháng thứ tư 11.000.000 đồng, tháng thứ năm 27.000.000 đồng, tháng thứ sáu 40.000.000 đồng), thời gian nhận tiền lời là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty O.G T nhận được tiền của người đầu tư.* Tuy nhiên, để được hưởng lợi nhuận thì người đầu tư phải thực hiện các điều kiện cam kết như: Nếu chọn gói 12.600.000 đồng thì phải giới thiệu 06 người đầu tư tham gia gói 36.600.000 đồng; nếu chọn gói 24.600.000 đồng thì phải giới thiệu 02 người đầu tư tham gia gói 36.600.000 đồng. Những điều kiện này không thể hiện trên hợp đồng mà do V chỉ đạo nhân viên tư vấn trao đổi trực tiếp với người đầu tư. Những điều kiện này để nhằm bảo đảm số tiền thu được lớn hơn số tiền phải trả cho người đầu tư, V và các đồng phạm vẫn có dư để chiếm đoạt.

Để quảng bá, phô trương hình ảnh của Công ty nhằm thu hút người dân tham gia đầu tư, V bàn bạc, giao cho Th mua cà phê TN làm quà tặng cho người đầu tư tham gia ký hợp đồng; tổ chức liên hoan, chiêu đãi khách hàng tại Công ty; đưa ra chương trình khuyến mãi tặng 600.000 đồng/1 hợp đồng góp vốn vào dịp tết Nguyên đán; cam kết thanh toán cho người đầu tư đúng theo nội dung hợp đồng đã ký… Để người dân tin tưởng việc đầu tư là có lãi thật thì V và Th sử dụng chính tiền góp vốn của người dân để chi trả tiền lời cho họ hoặc dùng tiền của người góp vốn sau chi trả cho người góp vốn trước. Bằng những thủ đoạn này V, Th nhanh chóng lôi kéo được người dân đến góp vốn đầu tư vào Công ty O.G T. Từ ngày 02/02 đến 09/02/2016 đã có 06 người đầu tư 07 hợp đồng với tổng số tiền 293.400.000 đồng, chi trả lại cho người đầu tư 97.200.000 đồng, chiếm đoạt 196.200.000 đồng. Đến kỳ trả lãi cho người đầu tư vào ngày 10/02/2016 thì V và Th cãi nhau về việc quản lý, sử dụng tiền thu được của người đầu tư. Ch chứng kiến sự việc nên từ lúc này Ch biết Công ty O.G T không liên quan gì với Công ty 868 mà V, Th đã lợi dụng pháp nhân Công ty O.G T để huy động vốn rồi chiếm đoạt và quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, Ch không ngăn cản, tố cáo hành vi của V và Th mà còn tiếp tục tư vấn, kêu gọi thêm người góp vốn và tham gia quản lý, điều hành Công ty. Từ ngày 10/02/2016 đến 09/3/2016, Ch đại diện Công ty O.G T ký thêm 13 hợp đồng với 13 người đầu tư thu vào 501.000.000 đồng, chi trả lại cho người đầu tư 97.200.000 đồng, chiếm đoạt 403.800.000 đồng. Khi người đầu tư tin tưởng, ký hợp đồng góp vốn thì Nh hoặc Th thu tiền và sử dụng mẫu phiếu thu còn tồn của Công ty 868 để ghi, xuất phiếu cho người đầu tư. Đến cuối ngày, Th tổng hợp lại toàn bộ số tiền thu được, cập nhật vào sổ theo dõi của Công ty giao cho V quản lý, nếu V không có ở Công ty thì Th chuyển tiền vào tài khoản số 190.29777519.01.7 của V mở tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam, chi nhánh Bình Phước hoặc giao cho Ch quản lý, sử dụng. Ch cũng tự mở 01 tài khoản cá nhân số 5600205296218 tại Ngân hàng A chi nhánh Bình Phước để quản lý, sử dụng tiền thu được của người đầu tư.

Hồ Thị Th biết rõ những nội dung tuyên truyền, ký kết với người đầu tư là gian dối, thực tế Công ty không sản xuất kinh doanh nhưng Th xác định nếu đầu tư sớm thì sẽ được chi trả lợi nhuận và có khả năng hưởng lợi, còn nếu đầu tư sau thì có thể sẽ không được chi trả lợi nhuận hoặc chi trả không đúng hợp đồng và mất số tiền đầu tư. Do đó, Th sử dụng tên bà Đoàn Lộc Ngọc T trên giấy CMND nhặt được để đăng ký 01 hợp đồng đầu tư 36.600.000 đồng vào ngày 20/02/2016, nhằm được hưởng lợi. Tuy nhiên, Th mới nhận lại được 5.000.000 đồng tiền lợi nhuận, còn lại 31.600.000 đồng cũng được sử dụng chi trả các chi phí hoạt động của công ty và chi trả cho người đầu tư vào Công ty 868.(*BL 685-714, 770-799, 878-914*).

Từ ngày 02/02/2016 đến 09/3/2016, V, Th và Ch đã ký kết 20 hợp đồng với 19 người đầu tư, thu về 794.400.000 đồng, đã chi trả lại cho người đầu tư 194.400.000 đồng, chiếm đoạt 600.000.000 đồng (trong đó, từ ngày 10/02 đến

09/3/2016, Ch tham gia cùng V, Th kêu gọi góp vốn được 501.000.000 đồng, chi trả lại cho người đầu tư 97.200.000 đồng, chiếm đoạt 403.800.000 đồng). Các bị can V, Th, Ch sử dụng 600.000.000 đồng chiếm đoạt được và 31.600.000 đồng của Th đầu tư (tổng cộng 631.600.000 đồng) để chi phí cho hoạt động của Công ty 225.749.000 đồng (mua sắm cơ sở vật chất, chi tiêu sinh hoạt, chi phí tuyên tuyền, quảng bá hình ảnh công ty, trả lương nhân viên, v.v…); V và Th sử dụng 405.851.000 đồng chi trả lợi nhuận cho người đầu tư vào Công ty 868 để tránh sự việc bị đổ bể, người đầu tư kéo đến đòi tiền sẽ bị phát hiện sớm, ngoài ra còn để họ tin tưởng, tái đầu tư vào Công ty O.G T hoặc giới thiệu người đầu tư mới (*có bảng kê chi tiết các khoản chi tại BL 934, 935, 936*).

Nguyên nhân xảy ra vụ án do các bị hại và chính bản thân các bị can hám lợi nhuận cao nên đã tham gia vào việc huy động tài chính, lúc đầu các bị can cũng là những người bị hại, nhưng sau đó đã biết việc huy động tài chính lấy tiền của chính người bị hại trả cho bị hại hoặc lấy tiền của người bị hại sau trả cho người bị hại trước, không có hoạt động sản xuất, kinh doanh gì để sinh lợi nhuận nhưng vì bản thân đã đầu tư tiền, dừng lại sợ mất tiền và cho rằng đầu tư sớm thì sẽ thu được lợi nhuận cao, nghĩ rằng cứ tham gia để hưởng lợi còn trách nhiệm do người khác chịu nên tiếp tục thực hiện nhiều hành vi, thủ đoạn gian dối để lừa gạt các người bị hại khác đưa tiền cho mình để chiếm đoạt. Hậu quả của tội phạm gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại cho nhiều người bị hại với số tiền lớn.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đến nay đã làm việc và xác định được 19 bị hại, trong đó có 18 người yêu cầu bồi thường số tiền 558.600.000 đồng, gồm: Nguyễn Mạnh H số tiền đã nộp vào 49.200.000đ, đã được nhận lại số tiền 21.600.000đ, bị thiệt hại số tiền 27.600.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 27.6 00.000đ; Bùi Thị S, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 10.800.000đ, bị thiệt hại số tiền 25.800.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 25.800.000đ; Nguyễn Văn V (hợp đồng mang tên Nguyễn Thị B), số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 10.800.000đ, bị thiệt hại số tiền 13.800.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 25.800.000đ; Bùi Thị Th, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 10.800.000đ, bị thiệt hại số tiền 25.800.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 25.800.000đ; Đặng Ngọc V, số tiền đã nộp vào 109.800.000đ (cho 03 hợp đồng 36.600.000đ), đã được nhận lại số tiền 32.400.000đ, bị thiệt hại số tiền 77.400.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 77.400.000đ; Vũ Ngọc Tr, số tiền đã nộp vào 24.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 10.800.000đ, bị thiệt hại số tiền 13.800.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 13.800.000đ; Vũ Văn Đ, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 4.500.000đ, bị thiệt hại số tiền 32.100.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 32.100.000đ; Vũ Thị Hồng N, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 4.500.000đ và 600.000đ tiền hoa hồng, khuyến mại, bị thiệt hại số tiền 31.500.000đ. Bị hại yêu

cầu được bồi thường số tiền 31.500.000đ; Nông Thị Đẹp X, số tiền đã nộp vào 73.200.000đ, đã được nhận lại số tiền 9.000.000đ, bị thiệt hại số tiền 64.200.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 64.200.000đ; Chu Thuý Ng (hợp đồng mang tên Lang Văn Ch), số tiền đã nộp vào 24.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 15.300.000đ, bị thiệt hại số tiền 9.300.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 9.300.000đ; Nguyễn Thị L, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 4.500.000đ, bị thiệt hại số tiền 32.100.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 32.100.000đ; Nguyễn Thị C, số tiền đã nộp vào 24.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 4.500.000đ, bị thiệt hại số tiền 20.100.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 20.100.000đ; Nguyễn Hồng S, số tiền đã nộp vào 24.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 4.500.000đ, bị thiệt hại số tiền 20.100.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 20.100.000đ; Vũ Anh Đ, số tiền đã nộp vào 73.200.000đ (hai hợp đồng 36.600.000đ), đã được nhận lại số tiền 9.000.000đ, bị thiệt hại số tiền 64.200.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 64.200.000đ; Nguyễn Thị Ph, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 9.000.000đ, bị thiệt hại số tiền 27.600.000đ. Bị hại không yêu cầu bồi thường; Đỗ Thị Y, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 10.800.000đ và 600.000đ tiền hoa hồng, khuyến mại, bị thiệt hại số tiền 25.200.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 25.200.000đ; Phạm Thị Tr, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 4.500.000đ và 600.000đ tiền hoa hồng, khuyến mại, bị thiệt hại số tiền 31.500.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 31.500.000đ; Trần Thanh T, số tiền đã nộp vào 36.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 4.500.000đ, bị thiệt hại số tiền 32.100.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 32.100.000đ; Trần Thị Kh, số tiền đã nộp vào 24.600.000đ, đã được nhận lại số tiền 10.800.000đ, bị thiệt hại số tiền 13.800.000đ. Bị hại yêu cầu được bồi thường số tiền 13.800.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình V, Hồ Thị Th, Trần Đình Ch phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Th 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Ch 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ Đình V 09 năm 06 tháng tù, quyết định về trách nhiệm dân sự, việc thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 06/8/2019 bị cáo Hồ Thị Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 08/8/2019 bị cáo Trần Đình Ch kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm đối với yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo như sau:

Hai bị cáo Th và Ch phạm tội với vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo V chiếm đoạt tiền của người bị hại.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bị cáo Th và Ch cung cấp các tình tiết mới về việc bồi thường thêm cho những người bị hại, bị cáo Th được nhiều người bị hại có đơn xin giảm hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo này.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Th có quan điểm như sau: Trong vụ án này, vai trò của bị cáo Th là không đáng kể, bị cáo hưởng mức lương thấp nhất trong các bị cáo. Bị cáo Th mặc dù không chiếm đoạt tiền của các bị hại, nhưng tại cấp sơ thẩm cũng đã tự nguyện khắc phục cho các bị hại là 50.000.000 đồng và tại cấp phúc thẩm là 37.500.000 đồng. Được nhiều bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bản thân bị cáo là lao động chính, hiện đang nuôi một người con bị nhiễm chất độc hóa học.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng*: Bị cáo Vũ Đình V sau khi làm cho Công ty 868 với hành vi lừa đảo khách hàng. Sau một thời gian do Thế A không chuyển tiền về chi trả cho khách hàng, V đã nảy sinh ý định thành

lập công ty riêng theo mô hình của Công ty 868 với bản chất là không tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh mà lợi dụng pháp nhân để tuyên truyền những thông tin không có thật về hoạt động kinh doanh của công ty, kêu gọi người dân ký kết hợp đồng góp vốn rồi chiếm đoạt. Trong thời gian từ ngày 02/02/2016 đến 10/3/2016 V, Th, Ch đã dùng danh nghĩa Công ty O.G T ký 20 hợp đồng với 19 người đầu tư để chiếm đoạt số tiền là 600.000.000 đồng.

Đánh giá hành vi, vai trò cụ thể và căn cứ kháng cáo của hai bị cáo Hồ Thị Th và Trần Đình Ch thấy rằng:

Trong vụ án này, bị cáo Vũ Đình V giữ vai trò chính, là người chỉ đạo, điều hành Công ty tiến hành các hoạt động tư vấn, kêu gọi khách hàng ký kết 20 hợp đồng với 19 người đầu tư, thu về số tiền 794.400.000 đồng, đã chi trả lại cho người đầu tư 194.400.000 đồng, trực tiếp chiếm đoạt và hưởng số tiền 600.000.000 đồng của những người bị hại. Bị cáo cũng chính là người lôi kéo hai bị cáo Th và Ch vào con đường phạm tội. Ở trường hợp này, bị cáo Th và Ch phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

[2.1] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hồ Thị Th xét thấy: bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, quá trình phụ trách kế toán, Th biết rõ Chi nhánh Công ty 868 tại Bình Phước tự hoạt động thu, chi, nhận biết được hình thức hoạt động của Công ty 868 là lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi được V chủ động bàn bạc thành lập Công ty O.G T để hoạt động theo mô hình của Công ty 868 thì Th đã đồng ý. Th biết rõ Công ty O.G T không hoạt động sản xuất kinh doanh để sinh lợi nhuận mà dùng tiền của người góp vốn sau chi trả tiền lời cho người góp vốn trước, hoặc dùng chính tiền góp vốn của người đầu tư để chi trả tiền lời cho họ. Tuy nhiên, với vai trò là Thủ quỹ Công ty, từ ngày 02/02/2016 đến 09/3/2016 Th đã trực tiếp thu tiền của người đầu tư, ghi chép sổ thu chi, tổng hợp số tiền thu được trong ngày giao cho V quản lý; tổng hợp danh sách chi trả lợi nhuận cho người đầu tư đưa cho V hoặc Ch ký duyệt. Ngoài ra, Th còn tham gia tư vấn, tuyên truyền gian dối về các nội dung hợp tác kinh doanh với người đầu tư, làm cho họ tin tưởng và đồng ý góp vốn vào Công ty. Bản thân Th biết rõ nhưng có ý thức bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, giúp sức tích cực cho Vũ Đình V trong việc chiếm đoạt 600.000.000 đồng của người đầu tư. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình.

Tuy nhiên, ở trường hợp của bị cáo Th qua chứng cứ đã thu thập cho thấy, bản thân bị cáo cũng đã tự bỏ ra số tiền 31.600.000 đồng để đầu tư, số tiền này đã chi trả cho những người đầu tư trước đó, nên không thu hồi lại được. Chứng tỏ, bị cáo cũng là người thiếu hiểu biết trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Đình Ch giữ vai trò là đồng phạm, mặc dù trên danh nghĩa là Giám đốc Công ty O.G T nhưng Ch không được V, Th cho biết mục đích thành lập Công ty chỉ để lợi dụng pháp nhân kêu gọi người dân góp vốn rồi chiếm đoạt. Do vậy từ ngày 02/02/2016 đến 09/02/2016 Ch đại diện ký

07 hợp đồng với 06 người đầu tư, thu vào 293.400.000 đồng nhưng không biết V, Th chiếm đoạt tiền góp vốn của người đầu tư. Đến ngày 10/02/2016 khi chứng kiến V và Th cãi nhau về việc quản lý, sử dụng tiền thu được của người đầu tư thì Ch mới biết nội dung hợp đồng Công ty O.G T ký với người đầu tư là gian dối và không có thật. Tuy nhiên, Ch đã tiếp nhận mục đích, cùng với V và Th tiếp tục tư vấn kêu gọi thêm người đầu tư góp vốn vào Công ty O.G T và tham gia quản lý, điều hành Công ty khi V không có mặt. Từ ngày 10/02/2016 đến 09/3/2016, Ch đã ký thêm 13 hợp đồng với 13 người đầu tư thu vào 501.000.000 đồng, chi trả lại cho người đầu tư 97.200.000 đồng. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của hai bị cáo Th và Ch đã giúp sức cho bị cáo V gây thiệt hại trực tiếp về tài sản cho những người bị hại. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt phù hợp nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Đối với việc xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình quyết định hình phạt đối với hai bị cáo Th và Ch thấy rằng:

[3.1] Bị cáo Trần Đình Ch có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cụ thể: Ngày 22/02/2013 bị TAND huyện B xử phạt 35.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS 1999, đến nay chưa thi hành bản án nên chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo Th có người có công với cách mạng, bố 45 năm tuổi Đảng và đã tự nguyện giao nộp 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu; gia đình bị cáo Ch là những người có công với đất nước, bố 60 năm tuổi Đảng, anh trai là liệt sĩ, bản thân bị cáo Ch trong quá trình công tác có thành tích được tặng huy chương, kỷ niệm chương. Vì vậy, bị cáo Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Ch được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, có thể thấy rằng với vai trò là đồng phạm giúp sức, hai bị cáo này đã giúp cho bị cáo V là người có vai trò chính, chiếm đoạt toàn bộ số tiền của những người bị hại. Bản thân bị cáo Th không được hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của hai bị cáo là do sự chỉ đạo và phụ thuộc từ bị cáo V. Trong quá trình điều tra, mặc dù không hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt của các bị hại nhưng bị cáo Th và gia đình đã nộp số tiền khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, và tại cấp phúc thẩm là 37.500.000 đồng (trong khi bị cáo V chỉ nộp khắc phục số tiền 15.000.000 đồng). Đối với bị cáo Ch, trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp số tiền khắc phục hậu quả là 30.000.000 đồng.

Từ đó cho thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với hai bị cáo Th và Ch (so với bị cáo V) là quá nghiêm khắc và chưa đảm bảo tính công bằng so với tính chất, mức độ cũng như hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo V đã gây ra. Đặc biệt, sau khi xét xử sơ thẩm có 10 trong số 19 người bị hại (gồm: Ông Vũ Văn Đ, ông Vũ Anh Đ, Nguyễn Hồng S, bà Nguyễn Thị C, Phạm Thị Tr, Trần Thanh T, Trần Thị Kh, Đặng Ngọc V, Vũ Thị Hồng N, Vũ Ngọc Tr) đều có đơn xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Hồ Thị Th, đồng thời Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có xác nhận hiện nay bị cáo Th đang là lao động chính, nuôi con là Cù Ngọc Thế là người nhiễm chất độc hóa học. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần xem xét để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo này về mức hình phạt. Riêng yêu cầu của bị cáo Th xin hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Th phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, vì vậy hai bị cáo Th và Ch không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo Hồ Thị Th và Trần Đình Ch. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 20/2019/HS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về hình phạt.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồ Thị Th và Trần Đình Ch phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Ch 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Hai bị cáo Hồ Thị Th và Trần Đình Ch không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu: HS, VP, 17bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười